|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN****TỈNH VĨNH LONG**Số: /TTr-UBND | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Vĩnh Long, ngày tháng năm 2025* |

**TỜ TRÌNH**

**Dự thảo Nghị quyết Quy định một số chính sách theo khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 81 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung về điều kiện lao động và quan hệ lao động trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long**

 Kính gửi : Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 và các văn bản có liên quan.

Ủy ban nhân dân kính trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết Quy định một số chính sách theo khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 81 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung về điều kiện lao động và quan hệ lao động trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long với những nội dung cụ thể như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN**

**1. Cơ sở chính trị, pháp lý**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật

Căn cứ Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động;

Căn cứ Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non.

**2. Cơ sở thực tiễn**

- Thực hiện quy định tại Khoản 2, 3, 4 Điều 81 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP, ngày 14 tháng 12 năm 2020 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung về điều kiện lao động và quan hệ lao động:

*“2. Nhà trẻ, lớp mẫu giáo dân lập, tư thục ở nơi có nhiều lao động được hưởng các chính sách áp dụng cho cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp quy định tại Điều 5 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non.*

*3. Trẻ em mầm non là con của người lao động làm việc tại nơi có nhiều lao động được hưởng chính sách như đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động tại khu công nghiệp quy định tại**Điều 8 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non.*

*4. Giáo viên mầm non làm việc tại nhà trẻ, lớp mẫu giáo dân lập, tư thục ở nơi có nhiều lao động được hưởng các chính sách áp dụng cho giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp quy định tại**Điều 10 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non.”*

- Điều 5, Điều 8, Điều 10 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non.

- Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 246/NQ-HĐND, ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quyết định việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh sau sắp xếp trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo (chọn Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND, ngày 24 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre quy định chính sách đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập, trẻ em mầm non, giáo viên mầm non tại các cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bến Tre).

Sở Giáo dục và Đào tạo đã phối hợp với Sở Nội vụ để xác định nơi có nhiều lao động trên địa bàn tỉnh và dự trù kinh phí thực hiện chính sách.

**II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN**

**1. Mục đích ban hành văn bản**

**Cụ thể hóa** quy định tại Khoản 2, 3, 4 Điều 81 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP, ngày 14 tháng 12 năm 2020 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung về điều kiện lao động và quan hệ lao động và trách nhiệm của địa phương đối với người lao động, đặc biệt là lao động nữ và trẻ em. **Bảo đảm quyền lợi hợp pháp của người lao động**, nâng cao phúc lợi xã hội, góp phần ổn định đời sống và an sinh.

**2. Quan điểm xây dựng dự thảo văn bản**

Phù hợp với chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, quy định của các văn bản quy phạm pháp luật.

**III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN**

Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng dự thảo Nghị quyết Quy định một số chính sách theo khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 81 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung về điều kiện lao động và quan hệ lao động trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long. Cụ thể như sau:

1. Xây dựng dự thảo Tờ trình, dự thảo Quyết định lấy ý kiến và đăng cổng Thông tin điện tử của tỉnh.

2. Tổng hợp ý kiến và gửi Sở Tư pháp thẩm định.

3. Thực hiện tiếp thu, giải trình các ý kiến thẩm định và hoàn chỉnh dự thảo Tờ trình, dự thảo Quyết định trình UBND tỉnh.

4. Trên cơ sở ý kiến của UBND tỉnh chỉ đạo, Sở GDĐT tiếp thu hoàn thiện tờ trình và dự thảo Quyết định trình UBND tỉnh.

 **IV. BỐ CỤC, NỘI DUNG CHÍNH CỦA NGHỊ QUYẾT**

**1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

a) Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số chính sách theo khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 81 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung về điều kiện lao động và quan hệ lao động trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

b) Đối tượng áp dụng

- Nhà trẻ, lớp mẫu giáo dân lập, tư thục ở nơi có nhiều lao động theo quy định tại Điều 75 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP.

- Trẻ em đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động theo đúng quy định có cha hoặc mẹ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em là công nhân, người lao động đang làm việc tại nơi có nhiều lao động theo quy định tại Điều 75 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP.

- Giáo viên mầm non đang làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động theo quy định ở nơi có nhiều lao động theo quy định tại Điều 75 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP bảo đảm những điều kiện sau:

+ Có trình độ chuẩn đào tạo chức danh giáo viên mầm non theo quy định;

+ Có hợp đồng lao động với người đại diện theo pháp luật của cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục;

+ Trực tiếp chăm sóc, giáo dục trẻ tại nhóm trẻ/lớp mẫu giáo có từ 30% trẻ em là con công nhân, người lao động làm việc tại nơi có nhiều lao động theo quy định tại Điều 75 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP.

**2. Bố cục của dự thảo văn bản**

Dự kiến 02 điều:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng và mức hỗ trợ.

Điều 2. Điều khoản thi hành

**3. Nội dung cơ bản**

Quy định một số chính sách theo khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 81 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ về điều kiện lao động và quan hệ lao động trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long, cụ thể:

1. Đối tượng áp dụng

a) Nhà trẻ, lớp mẫu giáo dân lập, tư thục ở nơi có nhiều lao động theo quy định tại Điều 75 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP.

b) Trẻ em đang học tại các cơ sở mầm non dân lập, tư thục đã được cấp phép, có cha/mẹ/người nuôi dưỡng là công nhân, người lao động tại nơi có nhiều lao động.

c) Giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở mầm non dân lập, tư thục ở nơi có nhiều lao động, đáp ứng đủ điều kiện: có trình độ chuẩn đào tạo theo quy định, có hợp đồng lao động hợp pháp và trực tiếp chăm sóc, giáo dục trẻ, trong đó ít nhất 30% trẻ là con công nhân, người lao động.

2. Mức hỗ trợ

Theo quy định tại Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND, ngày 24 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre quy định chính sách đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập, trẻ em mầm non, giáo viên mầm non tại các cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bến Tre (được lựa chọn áp dụng tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 246/NQ-HĐND, ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quyết định việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh sau sắp xếp trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo), cụ thể như sau:

a) Cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục: hỗ trợ là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng)/cơ sở (hỗ trợ một lần).

b) Trẻ em mầm non: hỗ trợ là 160.000 đồng (một trăm sáu mươi ngàn đồng)/trẻ/tháng; thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 09 tháng/năm học.

c) Giáo viên mầm non: hỗ trợ là 800.000 đồng (tám trăm ngàn đồng)/người/tháng; tính theo số tháng thực tế dạy trong năm học.

3. Nguồn kinh phí: Sử dụng ngân sách địa phương theo Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 2. Điều khoản thi hành

*(Kèm theo dự thảo Nghị quyết)*

**4. Cách thức xác định đối tượng áp dụng của nghị quyết**

Nơi có nhiều lao động được xác định theo Điều 75 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP như sau:

*“**1. Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao (gọi tắt là khu công nghiệp) có từ 5.000 người lao động trở lên đang làm việc trong các doanh nghiệp và có tham gia đóng bảo hiểm xã hội trên địa bàn khu công nghiệp.*

*2. Xã, phường, thị trấn có từ 3.000 người lao động trở lên đăng ký thường trú hoặc đăng ký tạm trú tại xã, phường, thị trấn đó”.*

Sở Giáo dục và Đào tạo đã phối hợp với Sở Nội vụ xác định trên địa bàn tỉnh có 04 Khu công nghiệp (KCN Hoà Phú, KCN Bình Minh, KCN Giao Long, KCN Long Đức) có từ 5.000 lao động trở lên đang làm việc trong các doanh nghiệp và có tham gia đóng bảo hiểm xã hội trên địa bàn khu công nghiệp và 124 xã, phường có từ 3.000 người lao động trở lên đăng ký thường trú hoặc đăng ký tạm trú tại xã, phường đó.

- Đối với nhà trẻ, lớp mẫu giáo dân lập, tư thục được xác định theo 01 tiêu chí: ở nơi có nhiều lao động theo quy định tại Điều 75 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP. Qua rà soát dự kiến có 126 cơ sở đáp ứng tiêu chí như trên.

- Đối với đối tượng trẻ em được xác định theo 2 tiêu chí sau: (1) trẻ em đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động theo đúng quy định; (2) có cha hoặc mẹ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em là công nhân, người lao động đang làm việc tại nơi có nhiều lao động theo quy định tại Điều 75 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP. Qua rà soát dự kiến có 4.667 trẻ.

*-* Đối với đối tượng giáo viên được xác định theo 2 tiêu chí sau: (1) Giáo viên mầm non đang làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động theo quy định; (2) ở nơi có nhiều lao động theo quy định tại Điều 75 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP. Qua rà soát dự kiến có 450 giáo viên.

 **V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO VĂN BẢN GỬI THẨM ĐỊNH (NẾU CÓ):** không.

**VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA/BAN HÀNH**

Nguồn ngân sách Nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành.

Ước tính cụ thể các nội dung trong đề cương chi tiết dự thảo nghị quyết: **12.660.480.000** **đồng**, trong đó:

a) Mức hỗ trợ đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập

Tổng số cơ sở được hưởng là 126 x 20.000.000 đồng = 2.520.000.000 đồng *(Hai tỷ năm trăm hai mươi triệu đồng)*.

b) Mức hỗ trợ đối với trẻ em:

Tổng số trẻ được hưởng là 4.667 trẻ x 160.000 đồng x 9 tháng = 6.720.480.000 đồng *(Sáu tỷ bảy trăm hai mươi triệu bốn trăm tám mươi ngàn đồng)*.

c) Mức hỗ trợ đối với giáo viên:

Tổng số giáo viên được hỗ trợ là 450 x 800.000 đồng x 9 tháng = 3.240.000.000 đồng *(Ba tỷ hai trăm bốn mươi triệu đồng)*.

**VII. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN:** Không.

Trên đây là Tờ trình đề nghị xây dựng Nghị quyết Quy định chính sách đối với nhà trẻ, lớp mẫu giáo dân lập, tư thục; trẻ em mầm non là con của người lao động làm việc tại nơi có nhiều lao động và giáo viên mầm non làm việc tại nhà trẻ, lớp mẫu giáo dân lập, tư thục ở nơi có nhiều lao động, Uỷ ban nhân dân tỉnh kính trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như kính gửi;- PCT.UBND tỉnh phụ trách VHXH; - PVP.UBND tỉnh phụ trách VHXH; - Sở Giáo dục và Đào tạo; - Lưu VT.3.26.VHXH. | **KT. CHỦ TỊCH****PHÓ CHỦ TỊCH** |